

Mật Tạng Bộ 1 \_ No.882 (Tr.392 \_ Tr.395)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA  
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG  
\_QUYỀN THỨ MƯỜI SÁU\_

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng\_Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc  
Khanh\_ Truyền Pháp Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) nhóm THI HỘ  
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

TAM THẾ LUÂN ĐẠI MẠN NOA LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ  
(Triloka-cakra-mahā-maṇḍala-vidhi-vistara)  
PHẦN THỨ MƯỜI MỘT\_ CHI KHÁC

\_Bây giờ, Kim Cương A Xà Lê nên kết **Kim Cương Trì Yết Ma Ấn** (Vajra-  
dhāra-karma-mudrā). Đại Minh của Ấn này là:

“**Ấn, tát lý-phộc đất tha nga đa, phộc nhật-la đà la (1) ngật-lý hận-noa, mẫn  
đà, tam ma gia, hồng (2)**”

ॐ सर्व तथगत वज्रधरा गृह्णा बंध समया हूं

\*)OM\_ SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHĀRA GRHṆA BANDHA  
SAMAYA HŪM

Tiếp nói tướng của Ấn ấy

Hai ngón út, ngón cái kết nhau

Hai tay Kim Cương, trên lại dưới

Đây tên **Yết Ma Tam Muội Ấn** (Karma-samya-mudrā)

Khéo làm tất cả Thắng Yết Ma

\_Sau đó, lại dùng **nước Kim Cương** (Vajrodaka: Kim Cương Thủy) nên vì Đệ Tử  
(Śiṣya) trao cho Quán Đỉnh ấy. **Đại Minh** là:

“**Ấn, phộc nhật-la tỳ hộ ca, tỳ sản tả (1) phộc nhật-la đá la, đất-phệ, tam ma  
dã, nga-la, nga-la (2)**”

ॐ वज्ररूपकैव वज्रधरसर्व समया ग्राः

\*)OM\_ VAJRĀBHIṢEKA ABHIṢIṂCA VAJRA-DHĀRA-SATVE  
SAMAYĀGRA GRAḤ

(Bản khác ghi nhận là: **Om\_ vajrābhiṣekābhiṣiṅca vajra-dharatve samaya gra  
gra**)

\_Sau đó, lại dùng tám lụa che mặt, dẫn Đệ Tử vào Mạn Noa La, trao truyền Đại  
Minh đó là:

“**Ấn, bát-la vĩ thiết, phộc nhật-la, bát-la phệ thiết-dã (1) phộc nhật-la vĩ thiết  
(2) phộc nhật-la đề đề sắt-xá, phộc nhật-la, hồng (3)**”

ॐ प्रवेष्ट वज्र प्रवेष्टय वज्रधरि वज्रधेति वज्र हूं

\*)OM\_ PRAVEŚA VAJRA PRAVEŚAYA VAJRĀVIŚA VAJRA  
ADHITIṢṬA VAJRA HŪM

\_Vào Mạn Noa La xong. Tiếp nên y theo Pháp, nâng hoa tùy ném. Trao truyền  
Đại Minh đó là:

“**Án, bát-la để tha đề đề sắt-xá, phộc nhật-la, hô**”

ॐ वज्रफलोत्पलवृक्षः

\*)OM\_PRATĪCCHA ADHITIṢṬA VAJRA HOḤ

Sau đó tùy theo chỗ hoa đã rơi xuống, tức là **Bản Tôn** thành tựu

\_Tiếp nên vì Đệ Tử trừ bỏ tấm lụa che mặt. Như thứ tự ấy khiến quán nhìn khắp trong Mạn Noa La. Lại trao truyền lời **Thệ Giới**.

“*Chẳng nên đem Tam Muội này giao tiếp vì người nói. Tại sao thế? Vì có một loại người Tà Kiến chẳng tin. Kẻ ấy làm sao biết **Bất Không Đại Trí** (Amogha-mahā-jñāna) của chư Phật Thế Tôn này, cũng chẳng thể thọ nhận **Kim Cương Thủ Quán Đỉnh Tam Muội** (Vajra-pāṇinābhīṣikta-samayam) này trong **Như Lai Kim Cương Bộ** (Tathāgata-vajra-kula) chỉ ở hàng Trời khác mà sinh tin hướng”*

Trao truyền **Thệ Giới** xong. Tiếp vì Đệ Tử trao truyền **Kim Cương Tiêu Xí Man Quán Đỉnh** (Vajra-ratna-cihna-mālābhīṣekaṃ: Kim Cương Bảo Tiêu Xí Man Quán Đỉnh) ấy. Sau đó đem **chày Yết Ma Kim Cương** (Karma-vajraṃ) trao trong bàn tay người ấy, bèn vị họ an lập **tên gọi của Kim Cương** (Vajra-nāma)

Sau đó, y theo Pháp Nghi của Kim Cương Tam Muội Đại Mạn Noa La (Vajra-samaya-mahā-maṇḍala) ấy. Liên dạy truyền **Thành Kết Đại Án** (Mahā-mudrā-bandhaṃ)

\_Hai tay bên tác **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha)

Tiếp nên giương duỗi hai ngón trỏ

Lại co lỏng đầu, cùng kèm nhau

Đây là **Đại Sĩ Đỉnh Luân Án** (Sattvoṣṇīṣa-cakra-mudrā)

\_Cùng hợp, lại tác Kim Cương Phộc

Dựng hai ngón trỏ trong ngón giữa

Đây tên **Quang Tụ Đỉnh Luân Án** (Tejorāśī-uṣṇīṣa-cakra-mudrā)

Tức **Quang Tụ Phật Thắng Tam Muội** (Tejorāśī-buddha-samayāgra)

\_Hai tay nên kết **Kim Cương Án** (Vajra-mudrā)

Hai ngón út, ngón cái hợp nhau

Lại đem ngón cái vào trong Phộc

Đây tên **Tối Thượng Đại Minh Án** (Mahā-vidyottama-mudrā)

\_Tối Thượng Đại Minh đã thành nên

Tiếp kết các Án khéo thực hiện

Ngón trỏ an tim như hai cửa

Đây tức tên là **Phộc Tâm Án** (Bandhana-hṛdaya-mudrā)

\_Tức ngón vô danh vào bên trong

Các ngón như ứng, nên khéo chuyển

Y Pháp Nghi **Kim Cương Bảo** (Vajra-ratna) ấy

Chuyển xong, quay lại trụ trong miệng.

\_Đây tức lại làm tướng ngựa khởi

Thứ tự xoay chuyển trụ ở tim

Như vậy tên là **bốn Hoa Án** (Catuḥ-puṣpā-mudrā)

Đây tức **Liên Hoa Tối Thượng Minh** (Padma-vidyottama)

\_Tức đây lại từ đỉnh đầu khởi  
Ở thân xoay chuyển **Thắng Luân Ấn** (Cakrāgra-mudrā)  
Đây tên **Kim Cương Xảo Nghiệp Ấn** (Vajra-viśva-karma-mudrā)  
**Kim Cương Yết Ma** (Vajra-karma) khéo thành tựu

\_ **Tát Đỏa Kim Cương** (Sattva-vajra) bền chắc làm  
Ngón út hợp nhau như Kim Cương  
Đây tên **Nhất Thiết Phật Tâm Ấn** (sarva-tathāgata-hṛdaya-mudrā)  
Ấn đó hay thành tất cả việc

\_ Hai ngón út, ngón cái cùng kết  
Tay trái ngón giữa như **tướng Xoa** (Sūlaṃ)  
Đây tức **một Xoa** (Eka-sūla) trong **ba Xoa** (Trisūla)  
Là nơi **Ấn Kim Cương đã nhiếp** (Vajra-mudrā-parigrahaṃ)

\_ **Kim Cương Tối Thượng Đại Minh Ấn** (Vajra-vidyottam-mudrā)  
Ấn này tức là **Kim Cương Xoa** (Vajra-sūla)  
Hết thấy các Ấn thứ tự tuyên  
Nhóm **Ma Gia Kim Cương** (Māyā-vajra) thực hiện  
Nhóm như vậy là **Phật Bồ Tát Ấn**

\_ Hai tay bên làm **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha)  
Tay trái Kim Cương rồi ép phụ  
Đây tức tên là **Kim Cương Phộc** (Vajra-muṣṭi: Kim Cương quyền)  
Dùng trong **tất cả Kim Cương Bộ** (Sarva-vajra-kula)

\_ Hai tay nên làm **tướng Kim Cương** (Vajraṃ)  
Y Pháp an bày các **Tiêu Xí** (Cihna)  
Trong **Nhất Thiết Kim Cương chư Bộ** (Sarva-vajra-kulānāṃ)  
Ấn đó mau chóng hay câu triệu

\_ Đem lưng hai ngón trở duỗi giương  
Lại hai ngón cái nắm hướng xuống  
Đem **Ấn chữ Ấn** (OM-kāra) an ở **đỉnh** (Mūrdhana)  
Bày tướng Kim Cương cũng như vậy  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Minh Vương Đại Ấn** (Vajra-vidyā-rāja-mahā-mudrā)

\_ Tiếp lại duỗi hai tay **Cát Tường** (Śritā)  
Hai tay chung lưng lại cũng thế  
Dùng nửa cánh tay (bán tý) làm tướng Quyền  
Sau lại xoay chuyển trụ bên miệng.  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Phẫn Nộ Vương Đại Ấn** (Vajra-krodha-rāja-mahā-mudrā)

\_ Tay trái ngón cái khéo an trí  
Lại cột vòng hoa (hệ man) y Pháp dụng

Tay phải lại như tướng cho tiền (thí tài)  
Ngón trở tác quyền, làm Kiếm Ấn  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Đại Ma Chủ Ấn** (Vajra-mahā-gaṇapati-mudrā)

Tay trái như cầm **Mục Sa La** (Musala: cây gậy, cây côn, cái chày vò)  
Duỗi cánh tay thành Ấn cũng thế  
Tay phải như hiện sáng rực rỡ  
Làm Kim Cương Quyền, sau chân động  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Sứ Giả Ấn** (Vajra-dūta-mudrā)

Làm mặt nhấc cao, tướng nanh bén  
Cầm gậy lại như thể đâm hại  
Co cánh tay thành Ấn như ừng  
Tay trái phải làm tướng xâm đoạt  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Bộc Sử Ấn** (Vajra-ceṭa-mudrā)

Phân biệt các Ấn Khế trong Đàn  
Tay trái đều như **Chấp Kim Cương** (Vajra-dhāra)  
Hết thấy các Ấn thứ tự tuyên  
Như vậy **Yết Ma** (Karma) khéo thành tựu

Hết thấy Đại Sĩ, các Ấn Khế  
Đều ở thân mình làm thành tựu  
Do ấy, quán tướng thân mình nên  
Liên được **Tối Thượng Ấn** (Uttama-mudrā) thành tựu

**Đại Sĩ Đỉnh Luân Ấn** (Sattvoṣṇīṣa-cakra-mudrā), **Đại Hộ** (Mahā-rakṣa)  
**Quang Tụ Đại Ấn** (Tejorāśi mahā-mudrā) cho thành tựu  
**Giáng Tam Thế Ấn** (HUM-kāra-mudrā) tất cả làm  
Tất cả **câu triệu** từ tìm ra  
Nhóm như vậy là **Phật Ấn** (Buddha-mudrā)

Các Phật Ấn được mọi Tất Địa  
**Kim Cương Tối Thượng Minh** (Vajra-vidyottama) tối thắng  
Mà **Kim Cương Xoa Đại Ấn** (Vajra-sūla-mahā-mudrā) ấy  
Liên hay khéo cho các thành tựu

**Ma Gia Kim Cương** (Māya-vajra) khéo thành tựu  
**Kim Cương Linh** (Vajra-ghaṃṭa) hay cảnh ngộ khắp  
Tướng cầm gậy ấy khéo vắng lặng  
**Kim Cương Khí Trượng Kim Cương** phá

**Lửa rực tối thắng điều phục ác** (Jvālāgrī duṣṭa-damanī)  
Ánh sáng **Thắng Thiện** (Saumyāgrī) đập tất cả  
**Thắng Trượng** (Daṇḍāgra) đâm hại lại cũng thế  
**Mắt đáng sợ** (Bhīmākṣī: bó úy nhãn) ấy gây sợ hãi

Điều phục, giết hại rất tối thắng

**Thắng Man** (Mālāgra) khéo làm mọi **Yết Ma** (Karma)  
Kính yêu chỗ muốn đều hay thành  
Tội thắng tất cả khéo tội phục

**Mục Sa La** (Musala) hay phá các ác  
Tướng **Bát Tra** (Pātā) ấy hay khéo cột  
Lửa rục tội thắng điều phục ác (Jvālāgrī duṣṭa-damanī)  
**Dược Xoa** (Yakṣiṇī: Dược Xoa Nữ) nắm giữ các điều ác

**Nanh bén** ăn nuốt ở tất cả  
**Kim Cương Ca La** (Vajra-kāla) phá các ác  
Làm các chướng nạn, khéo gây chướng  
Xâm đoạt tất cả loài xâm đoạt

NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG BỘ KIM CƯƠNG MẠN NOA LA  
QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ  
(Sarva-vajra-kula-vajra-maṇḍala-vidhi-vistara)  
\_PHẦN THỨ MUỖI HAI\_

**Bảy giờ**, Đức Thế Tôn lại nhập vào **Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Tổng Trì Tam Muội Xuất Sinh Gia Trì Tam Ma Địa** (Sarva-tathāgata-vajra-dhāraṇī-samaya-sambhavādhiṣṭhānam samādhi), nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** (Sva-vidyottamam: Tự Bộ Tối Thượng Minh) này là:

“**Án, phộc nhật-la, sa vĩ đế-lý, toa hạ**”

ॐ वज्र सवित्री स्वहा

\*)OM\_VAJRA SĀVITRĪ SVĀHĀ

**Khi ấy**, **Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-pāṇi) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la đà lý, hồng**”

ॐ वज्रधरं हूं

\*)OM\_VAJRA-DHĀRI HŪM

“**Phộc nhật-la, vĩ cật-la di, hồng, mạt tra**”

वज्र विक्रमं हूं मत्

\*)VAJRA VIKRAME HŪM MAT

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ\_vajra vikrame hūṃ phaṭ**)

**Lúc đó**, **Kim Cương Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-garbha) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, la đát-na, ngỗ đế-lý, toa hạ**”

ॐ वज्ररत्न गौत्री स्वहा

\*)OM\_VAJRA-RATNA GAUTRĪ SVĀHĀ

**Bảy giờ**, **Kim Cương Nhãn Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-netra) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, bát nột-ma, nễ đế-lý, hồng, phát tra**”

ॐ वज्रपद्म नृत्तं ह्रूं ह्रूं

\*)OM\_ VAJRA-PADMA-NETRE HŪM PHAT

\_Khi ấy, **Kim Cương Xảo Nghiệp Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-viśva-karma) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, cát lý-ma, cát lý, hồng**”

ॐ वज्रकर्म करि ह्रूं

\*)OM\_ VAJRA-KARMA-KARI HŪM

\_Lúc đó, **Kim Cương Tối Thượng Minh Bồ Tát Ma Ha Tát** (Vajra-vidyottama) nói **Tự Bộ Tối Thượng Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, du la ngật-lý, toa hạ**”

ॐ वज्रसुराग्रि स्वहा

\*)OM\_ VAJRA-SŪRĀGRĪ SVĀHĀ

(Bản khác ghi nhận là: **Om\_ vajra-sūlāgre svāhā**)

\_Bấy giờ, **Ma Gia Kim Cương Minh Vương** (Vajra-māya-vidyā-rāja) nói **Tự Án Đại Minh** (Sva-mudrā-mahā-vidya) này là:

“**Án, phộc nhật-la, tác cật-lý, án**”

ॐ वज्रवक्त्रं ॐ

\*)OM\_ VAJRA-CAKRA OM

(Bản khác ghi nhận là: **Om\_ vajra-cakre hūm**)

**Kim Cương Linh Minh Vương** (Vajra-ghamṭa-vidyā-rāja) nói **Đại Minh** này là:

“**Phộc nhật-la, kiện trí chỉ, hồng**”

वज्रचक्रि ह्रूं

\*)VAJRA-GHAMṬIKĪ HŪM

**Tịch Mặc Kim Cương Minh Vương** (Mauna-vajra vidyā-rāja) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, nan noa, ca sắt-xỉ, hồng**”

ॐ वज्रदण्ड कश्ठी ह्रूं

\*)OM\_ VAJRA-DANḌA KĀṢṬHĪ HŪM

**Kim Cương Khí Trượng Minh Vương** (Vajrāyudha vidyā-rāja) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-lý, hồng**”

ॐ वज्रि ह्रूं

\*)OM\_ VAJRĪ HŪM

Nhóm như vậy là **Tam Muội Án Minh của Kim Cương Minh Vương** (Vidyā-rāja-samaya-mudrāh)

\_Bấy giờ, **Kim Cương Quân Noa Lê Kim Cương Phần Nộ Vương** (Vajra-kuṇḍalir vajra-krodha-rāja) nói **Tự Tam Muội Án Minh** (Sva-samaya-mudrā-vidya) này là:

“**Án, nhập-phộc la, phộc nhật-lý, hồng**”

ॐ ह्रूं वज्रि ह्रूं

\*)OM\_ JVĀLA VAJRĪ HŪM

**Kim Cương Quang Phần Nộ Vương** (Vajra-prabha-krodha-rāja) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, táo ma duệ, hồng**”

ॐ वज्रक्रीड ह्रीं

\*)OM\_ VAJRA-SAUMYE HŪM

**Kim Cương Trượng Phần Nộ Vương** (Vajra-daṇḍa-krodha-rāja) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, nan ni, hồng**”

ॐ वज्रदण्ड ह्रीं

\*)OM\_ VAJRA-DANḌĪ HŪM

**Kim Cương Băng Nga La Phần Nộ Vương** (Vajra-piṅgala-krodha-rāja) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, tỳ sa ni, hồng**”

ॐ वज्रवैष्णवी ह्रीं

\*)OM\_ VAJRA-VEṢAṆĪ HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ\_ vajra-bhīṣaṇe hūṃ**)

Nhóm như vậy là **Tam Muội Án Minh** (Samaya-mudrā-vidya) của **Kim Cương Phần Nộ Vương** (Vajra-krodha-rāja)

Khi ấy, Kim Cương Thuần Noa Đại Ma Chủ (Vajra-śauṇḍa mahā-gaṇapati: Kim Cương Thuần Noa Đại Chúng Chủ) nói **Tự Tam Muội Án Minh** (Sva-samaya-mudrā-vidya) này là:

“**Án, phộc nhật-la, thuần ni, hồng**”

ॐ वज्रशुद्धी ह्रीं

\*)OM\_ VAJRA-ŚAUNḌĪ HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ\_ vajra made hūṃ**)

**Kim Cương Man Đại Ma Chủ** (Vajra-māla-mahā-gaṇapati) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, ma lê, hồng**”

ॐ वज्रमाला ह्रीं

\*)OM\_ VAJRA-MĀLE HŪM

**Kim Cương Kính Ái Đại Ma Chủ** (Vajra-vaśī-mahā-gaṇapati) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, phộc thi, hồng**”

ॐ वज्रवैथी ह्रीं

\*)OM\_ VAJRA-VASĪ HŪM

**Tối Thắng Kim Cương Đại Ma Chủ** (Vijaya-vajra-mahā-gaṇapati) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, a ba la nhĩ đế, hồng**”

ॐ वज्रअबलान्दि ह्रीं

\*)OM\_ VAJRA-APARĀJITE HŪM

Nhóm như vậy là **Tam Muội Án Minh** (Samaya-mudrā-vidya) của **Kim Cương Đại Ma Chủ** (Vajra-mahā-gaṇapati)

\_ Lúc đó, **Kim Cương Mục Sa La Kim Cương Sứ Giả** (Vajra-musala-vajra-dūta) nói **Tự Tam Muội Án Minh** (Sva-samaya-mudrā-vidya) này là:

“**Án, phộc nhật-la, mục sa la, ngật-lý hê, hồng**”

ॐ वज्रसमलघ्नं ॐ

\*)OM\_ VAJRA-MUSALA GRAHE HŪM

**Kim Cương Phong Kim Cương Sứ Giả** (Vajrānila-vajra-dūta) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, bát trí, hồng**”

ॐ वज्रपट्टिं ॐ

\*)OM\_ VAJRA-PAṬĪ HŪM

**Kim Cương Hỏa Kim Cương Sứ Giả** (Vajrānala-vajra-dūta) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, nhập-phộc lê, hồng**”

ॐ वज्रह्रं ॐ

\*)OM\_ VAJRA-JVĀLE HŪM

**Kim Cương Bôi La Phộc Kim Cương Sứ Giả** (Vajra-bhairava-vajra-dūta) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, ngật-la hê, hồng**”

ॐ वज्रघ्नं ॐ

\*)OM\_ VAJRA-GRAHE HŪM

Nhóm như vậy là **Tam Muội Án Minh** (samaya-mudrā-vidya) của **Kim Cương Sứ Giả** (Vajra-dūta)

\_ Lúc đó, **Kim Cương Câu Kim Cương Bộc Sứ** (Vajrāṃkuṣa vajra-ceṭa) nói **Tự Tam Muội Án Minh** (Sva-samaya-mudrā-vidya) này là:

“**Án, phộc nhật-la, năng sắt-trí-lý, hồng**”

ॐ वज्रदंष्ट्रं ॐ

\*)OM\_ VAJRA-DAMṢṬRI HŪM

**Kim Cương Ca La Kim Cương Bộc Sứ** (Vajrākāla vajra-ceṭa) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, ca li ni, hồng**”

ॐ वज्रकालिं ॐ

\*)OM\_ VAJRA-KĀLIṆI HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om\_ vajra māraṇi hūm**)

**Kim Cương Vĩ Na Dã Ca Kim Cương Bộc Sứ** (Vajra-vināyaka vajra-ceṭa) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, vĩ cận nễ, hồng**”

ॐ वज्रवैशं ॐ



\*)OM \_ VAJRA-VIGHNĪ HŪM

**Long Kim Cương Kim Cương Bộc Sử** (Nāga-vajra vajra-ceṭa) nói **Đại Minh** này là:

“**Án, phộc nhật-la, hát la ni, hồng**”

ॐ 𑖀 𑖄 𑖆 𑖈 𑖊 𑖌 𑖎 𑖐 𑖒 𑖔 𑖖 𑖘 𑖚 𑖜 𑖞 𑖠 𑖢 𑖤 𑖧 𑖩 𑖫 𑖭 𑖯 𑖱 𑖳 𑖵 𑖷 𑖹 𑖻 𑖽 𑖿

\*)OM \_ VAJRA-HĀRANI HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om vajra-hāriṇi hūm**)

Nhóm như vậy là **Tam Muội Ân Minh** (Samaya-mudrā-vidya) của **Kim Cương Bộc Sử** (Vajra-ceṭa)

Bấy giờ, Kim Cương Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát nói **Nhất Thiết Kim Cương Bộ Mạn Noa La** (Sarva-vajra-kula-maṇḍala) này. Tụng là:

\_ Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

**Tối Thắng Kim Cương Mạn Noa La** (Vajra-maṇḍalam uttamam)

Tướng ấy, bốn phương cùng bốn cửa

Thứ tự giăng **Ngoại Đàn Giới** (Bāhya-maṇḍalam) ấy

\_ Y Pháp bày vị trí Trung Cung

Đông hướng làm cửa, Pháp cũng thế

Trong ấy thứ tự y Pháp Nghi

Như ứng an trí nơi **tượng Phật** (Buddha-bimbam)

Chia xếp nhóm Giăng Tam Thế Tôn

Bốn Đại Sĩ này vòng quanh Phật

Trước Mạn Noa La, nên y Pháp

Tràn khắp vẽ **Kim Cương Ân** (Vajra-mudrā) ấy

Tiếp lại ở đây, các tả hữu

Y Pháp đều vẽ Bản Bộ Ân

Nhóm **Kim Cương Thuần Na Ma Chủ** (Vajra-śauṇḍa-gaṇapati)

Nên làm **bậc thủ hộ bốn cửa** (Catvāro dvāra-rakṣakāḥ)

Bày cùng **Cát Tường** (Śriyaṃ) kèm **Biện Tài** (Sarasvatīm)

Nhóm **Ngột Nga** (Dūrgaṃ) bốn, ở góc trong

**Góc ngoài** (Bāhya-koṇa) cân phải y Pháp Nghi

Vẽ khắp như **Hiền Thánh Ân** trước

\_ Lại nữa ở **Ngoại Mạn Noa La** (Bāhya-maṇḍala)

Y Pháp nên vẽ tướng nhóm Trời

Đàn ấy, thứ tự các Pháp Nghi

Đều như **Quảng Đại Nghi Quĩ** (Vidhi-vistara) nói

**Trong Kim Cương Mạn Noa La** (Vajra-maṇḍale) này, tùy theo chỗ ưa muốn, y theo Pháp thực hiện hết thấy nhóm **Kim Cương Câu** (Vajrāṃkuśa), **Tam Muội Yết Ma** (Samaya-karma) của Bộ này làm xong. Sau đó **Kim Cương A Xà Lê** (Vajrācārya) tự kết **Kim Cương Trì Ân** (Vajra-dhāri-mudrāṃ) rồi vì **Đệ Tử** (Śiṣya) nói rằng:

“*Người chẳng nên dùng **Tam Muội Ân** (Samaya-mudrāṃ) này, đối với người chẳng vào Tam Muội, chẳng thấy Pháp. Trước tiên nói Pháp đó, không khiến cho phá hoại **Tam Muội bí mật** (Samaya-rahasyaṃ)*”

Nói lời đó xong, sau đó lấy **chày Kim Cương Yết Ma** (Karma-vajraṃ) này, an ở trên **Kim Cương Trì Ân** (Vajra-dhāri-mudra), y theo Bản Pháp Nghi dẫn Đệ Tử ấy

vào Mạn Noa La. Vào xong, liền nên ném chày Yết Ma, tùy theo chỗ rơi xuống, liền được **Bản Tôn Tam Muội Trí Ấn Kính Ái** thành tựu. Do Nhân đó cho nên, tất cả chỗ làm của Yết Ma đều thành.

Sau đó, vì Đệ Tử ấy, trừ bỏ tấm lụa che mặt, khiến quán nhìn khắp Mạn Noa La xong, nói **Bí Mật Tam Muội Ấn Chân Ngôn** (Samaya-mudrā-rahasyam mantra) đó rằng: “*Nay Tam Muội Ấn này thường hay làm nơi ưa muốn kính yêu của tất cả Yết Ma, tất cả đều được, như mẹ như con như vợ như con gái thấy đều tùy thuận*”

Tiếp, vì Đệ Tử trao truyền **Đại Minh** đó là:

“**Án, tát lý-phộc, nga di nễ (1) tát lý-phộc bạc xí (2) sa đà dã, ngu hứ-dã, phộc nhật-lý ni, hồng, phát tra (3)**”

ॐ स र्व ग म्नि स र्व भ क्से स ध य गु ह्य व ज्रि णि हु म् प त

\*)OM\_ SARVA-GĀMINI\_ SARVA-PAKṢĪ SĀDHAYA GUHYA VAJRĪṆI HŪM PHAT

(Bản khác ghi nhận là: **Oṃ\_ sarva-gāmini sarva-bhakṣe sādahaya guhya-vajriṇi hūm phat**)

Đại Minh như vậy. Nếu tụng một biến liền được tất cả người đã yêu thấy đều kính yêu, tùy ý đã làm lia các lỗi lầm, như chỗ yêu thích, đắc được tất cả thọ dụng thành tựu. Sau đó, tất cả được **tịnh Tâm Tính** (Śuddhi-cittatām), phát **ý tối thượng** (Manasottama), chỗ ứng quán sát **tất cả Trí Ấn** (Sarva-jñāna-mudrā), ngoài ra lại hay làm **tất cả sự nghiệp** (Sarva-karmaṇi)

Đây tức là **Cụ Đức Chấp Kim Cương Tôn** (Bhagavān-vajra-dhāra-nātha) tác **Thuyết** như vậy

Tiếp nên dạy truyền **Tam Muội Ấn** (Samaya-mudrā) ấy  
\_ **Ngón Tam Muội Phần Nộ** (Samaya-krodhāṅgulī) an đỉnh  
Bên chắc làm Phộc trụ ở tim  
Mặt, my (lông mày) quay lại cửa miệng, bung  
Sau lại hai tay để ở đỉnh  
\_ Tay trái Kim Cương, ngón trở buộc (phộc)  
Làm tướng Tam Xoa rồi ép phụ  
Ấn này thành kết y Pháp Nghi  
Được **Tự Tối Thượng Minh** (Sva-vidyottama) thành tựu

\_ Trong **Nhất Thiết Kim Cương Chư Bộ** (Sarva-vajra-kulānām)  
Tay trái Kim Cương, ngón trở nhiếp  
Nay Ta nói Nghi **kết Ấn** (Mudrā-bandham) ấy  
**Các Tam Muội Pháp như Nghi Quy** ((Samayānām yathā-vidhi)  
\_ Các ngón trở ép như tướng Luân  
Kim Cương Linh Ấn lại cũng thế  
Tướng **Ấn chữ Ấn** (OM-kāra-mudrā) đây hoàn đồng  
**Sư Tử Nhĩ Nhiếp Khí Trượng Ấn** (Simha-karṇa-parigrahāyudha-mudrā)  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Minh Vương Ấn** (Vajra-vidyā-rāja-mudrām)

\_ **Xí Diệm Ấn** (Jvālā-mudrā) nhiếp cũng như vậy  
**Kim Cương Quang Ấn** (Vajra-prabha-mudrā) nhiếp hoàn đồng  
**Trượng Quyền Ấn** (Daṇḍa-muṣṭi-mudrā) nhiếp tức như trước

Ấn sau cùng ở bên miệng chuyên  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Phần Nộ Vương Ấn** (Vajra-krodha-rāja-mudrām)

**Ba Na Ấn** (Pāna-mudrā) ấy với **Man Ấn** (Mālā-mudrā)  
Nhóm **Kim Cương Cấm Phục** (Vajra-stambhana), tướng Câu (móc câu)  
**Tối Thắng Ấn** ấy an đỉnh đầu  
Đây là bốn **Ma Chủ Hộ Môn** (Gaṇapati-dvāra-pāla)  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Đại Ma Chủ Ấn** (Vajra-mahā-gaṇapati-mudrām)

Tiếp, co cánh tay như **tướng Luân** (Cakra-vajram)  
Hai tay chuyển ngược y Pháp Nghi  
Tướng **Giải Thoát Ấn** (Mokṣa-mudrām) ánh lửa rực  
**Kích Hại Ấn** (Vidārita-mudrā) **trụ ở bên miệng** (Mukha-sthitā)  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Sứ Giả Ấn** (Vajra-dūta-mudrām)

Hai ngón vào trong, an cửa miệng  
Ép phụ quay làm thế đánh đâm  
Ràng cánh tay thành Ấn như ứng  
Làm tướng hiểm ác, **Xâm Đoạt Ấn** (Harin-mudrā)  
Nhóm như vậy là **Kim Cương Bộc Sử Ấn** (Vajra-ceṭa-mudrām)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA  
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG  
\_QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU (Hết)\_